

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2013/TT-BTC

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2013

THÔNG TƯ**Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu
đối với một số mặt hàng khoáng sản trong Biểu thuế xuất khẩu**

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2012;

Thực hiện Thông báo số 407/TB-VPCP ngày 17/12/2012 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về quy định xuất khẩu khoáng sản, xử lý hồ sơ hoạt động khoáng sản tồn đọng và công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoáng sản;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng khoáng sản trong Biểu thuế xuất khẩu.

Điều 1. Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu

Sửa đổi thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng khoáng sản trong Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 193/2012/TT-BTC ngày 15/11/2011 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế như sau:

Số TT	Mô tả hàng hóa	Thuộc các nhóm hàng, phân nhóm hàng, mã số hàng hóa			Thuế suất (%)
5	Quặng Apatit				
	- Loại hạt mịn có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 0,25mm	25.10	20	10	15
	- Loại hạt có kích thước trên 0,25 mm đến 15mm	25.10	20	10	25
	- Loại khác	25.10	10	10	40
8	Đá cẩm thạch, đá vôi vàng nhạt, ecaussine và đá vôi khác để làm tượng đài hoặc đá xây dựng có trọng lượng riêng từ 2,5 trở lên, và thạch cao tuyết hoa, đã hoặc chưa đều thô hoặc mới chỉ cắt bằng cưa hay bằng cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông)				
	- Đá vôi trắng (Đá hoa trắng) dạng khối	25.15	20	00	30
	- Loại khác	25.15			17
16	Quặng mangan và tinh quặng mangan, kể cả quặng mangan chứa sắt và tinh quặng mangan chứa sắt với hàm lượng mangan từ 20% trở lên tính theo trọng lượng khô	2602	00	00	40
17	Quặng đồng và tinh quặng đồng	2603	00	00	40
21	Quặng chì và tinh quặng chì	2607	00	00	40
22	Quặng kẽm và tinh quặng kẽm	2608	00	00	40
28	Quặng titan và tinh quặng titan				
	- Quặng inmenit và tinh quặng inmenit:				
	- - Inmenit hoàn nguyên ($TiO_2 \geq 56\%$ và $FeO \leq 11\%$)	2614	00	10	15
	- - Xi titan ($TiO_2 \geq 85\%$)	2614	00	10	10
	- - Rutile nhân tạo và rutile tổng hợp ($TiO_2 \geq 83\%$)	2614	00	10	15
	- - Loại khác	2614	00	10	40
	- Loại khác	2614	00	90	40

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 6 năm 2013/.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai